



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 94 + 95

Ngày 15 tháng 11 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 06-10-2019- Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 08-10-2019- Quyết định số 4337/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch liên tịch (mẫu) về việc tăng cường công tác phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quận - huyện. 6

- 09-10-2019- Quyết định số 4354/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. 21
- 16-10-2019- Quyết định số 4447/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Y tế. 49

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2019/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam)
giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU
(Ngày 06 tháng 10 năm 2019)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;

Căn cứ Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính, quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Xét Tờ trình số 3490/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 về mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông

cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số: 552/BC-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Mức thu:

Đơn vị tính: đồng/lần/xe

Số TT	Chỉ tiêu	Mức thu
1	Ô tô, trừ xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống áp dụng theo điểm 2 mục này	500.000
2	Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống	20.000.000
3	Sơ mi rơ moóc, rơ moóc đăng ký rời	200.000
4	Xe máy (theo giá tính lệ phí trước bạ)	
a	Trị giá từ 15.000.000 đồng trở xuống	1.000.000
b	Trị giá trên 15.000.000 đến 40.000.000 đồng	2.000.000
c	Trị giá trên 40.000.000 đồng	4.000.000

Các nội dung khác: Thực hiện theo Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Các trường hợp được miễn lệ phí thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Số tiền lệ phí thu được nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Tổ chức thu, nộp, quản lý, sử dụng nguồn thu: Thực hiện theo quy định của

Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này có hiệu quả, đồng bộ trên địa bàn thành phố và đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố về Phương án thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4337/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch liên tịch (mẫu) về việc tăng cường
công tác phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quận - huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Thực hiện Kế hoạch số 3333/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai các giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo số 11678/BC-SXD-TT ngày 17 tháng 9 năm 2019;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch liên tịch (mẫu) về việc tăng cường công tác phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quận - huyện, được ban hành kèm theo Báo cáo số 11678/BC-SXD-TT ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Sở Xây

dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện - quận, xã - phường - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**SỞ XÂY DỰNG - UBND
QUẬN/HUYỆN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KHLT-SXD-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

**KẾ HOẠCH LIÊN TỊCH (MẪU)
Về việc tăng cường công tác phối hợp quản lý trật tự xây dựng
trên địa bàn quận/huyện**

Căn cứ Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 3333/ KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai các giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân công nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận/huyện ban hành Kế hoạch tăng cường công tác phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quận/huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chấn chỉnh, khắc phục những yếu kém trong phối hợp giữa Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận, huyện trong công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn; tiến tới chấm dứt tình trạng xây dựng không phép, sai phép, sai quy hoạch, xây dựng trên đất không được phép xây dựng mà không bị xử lý nghiêm theo đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa, đảm bảo các Quyết định xử lý vi phạm hành chính phải được thực thi, đảm bảo tính nghiêm minh của công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng.

- Tăng cường lực lượng phối hợp giữa Thanh tra Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận/huyện trong công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng, kịp thời kiểm tra, ngăn chặn, tham mưu xử lý ngay từ đầu các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Kế hoạch này phải bám sát vào tình hình thực tiễn công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng, đề ra các giải pháp thiết thực mang tính đồng bộ, khoa học nhằm chấn chỉnh công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn trong thời gian tới.

- Nội dung Kế hoạch phải xác định cơ chế phối hợp rõ ràng, chính xác; tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra. Tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, dư luận xã hội đồng tình, lực lượng thống nhất cao về tư tưởng và hành động.

- Mọi hoạt động trong công tác phối hợp, kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng phải chặt chẽ, thống nhất và phù hợp quy định pháp luật.

II. CƠ CHẾ PHỐI HỢP

1. Thành lập Tổ công tác với nhân sự như sau:

- Đ/c Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện - Tổ trưởng;
- Đ/c Phó Chánh Thanh tra Sở Xây dựng - Tổ phó;
- Đ/c Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị quận/huyện - Tổ phó;
- Đ/c Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn quận/huyện - Thành viên;
- Đ/c Đội phó Đội Thanh tra địa bàn quận/huyện - Thành viên;
- Đ/c Đội phó Đội Thanh tra cơ động, Thanh tra Sở Xây dựng – Thành viên;
- Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn - Thành viên;
- Các đồng chí Trưởng Công an phường/xã/thị trấn - Thành viên.
- Công chức, Thanh tra viên Đội Thanh tra địa bàn – Thành viên (tùy theo tình hình quản lý trật tự xây dựng tại địa phương mà Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận, huyện thống nhất số lượng nhân sự tăng cường cho Tổ công tác).

2. Nhiệm vụ thành viên Tổ công tác

2.1. Tổ trưởng Tổ công tác

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành chung hoạt động của Tổ công tác, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về nhiệm vụ được phân công.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Tổ công tác; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ công tác; chỉ đạo, điều hành các thành viên Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Tổ công tác.

- Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Tổ công tác.

- Báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về kết quả hoạt động của Tổ công tác.

2.2. Tổ phó Tổ công tác

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng về các nhiệm vụ được phân công.
- Giúp Tổ trưởng Tổ công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Tổ công tác theo phân công của Tổ trưởng Tổ công tác
- Đôn đốc, chỉ đạo thành viên Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

2.3. Thành viên Tổ công tác

- Chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng, Tổ phó Tổ công tác về các nhiệm vụ được phân công.
- Chịu sự phân công, chỉ đạo của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ công tác về thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

3. Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thanh tra Sở Xây dựng về tổ chức, nhân sự, chuyên môn và thực hiện công tác phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân quận/huyện trong quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn phụ trách.

III. NGUYÊN TẮC PHỐI HỢP

1. Mọi công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố phải được kiểm tra, giám sát từ khi khởi công đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng (trừ công trình bí mật Nhà nước; công trình quốc phòng, an ninh); mọi hành vi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý dứt điểm ngay từ khi mới phát sinh nhằm hạn chế tối đa việc tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố được ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Việc phối hợp phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định và phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

IV. TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA, PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

1. Trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng

a. Thanh tra viên, cán bộ, công chức và nhân viên được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được giao nhiệm vụ quản lý hoặc có biện pháp xử lý kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền.

b. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các công trình xây dựng:

- Công trình xây dựng không có Giấy phép xây dựng theo quy định; công trình xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng; công trình xây dựng trên đất không được phép xây dựng.

- Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình.

- Công trình sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kiến trúc mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và ở khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn được duyệt.

- Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.

c. Tổ Công tác theo Kế hoạch này kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các công trình xây dựng:

- Nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng.

- Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

- Nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500 m², có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Công trình, bộ phận công trình xây dựng phát sinh sau khi công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng theo Giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp hoặc đã được cấp nhật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản).

- Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà ở hoặc khu đô thị.

d. Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các công trình xây dựng:

- Công trình xây dựng do Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt.

- Công trình xây dựng do các Bộ và cơ quan ngang Bộ phê duyệt; do các Sở chuyên ngành cấp hoặc phê duyệt.

- Công trình được miễn giấy phép xây dựng (trừ công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, công trình bí mật nhà nước, công trình quốc phòng, an ninh, công trình theo lệnh khẩn cấp, công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

đ. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố cấp Giấy phép xây dựng, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

2. Trách nhiệm lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính

a. Công chức quản lý xây dựng cấp xã lập Biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng thuộc trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

b. Tổ Công tác lập Biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng thuộc trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, xử lý của Tổ Công tác; đồng thời, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

c. Công chức, thanh tra viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính đối với công trình thuộc trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, xử lý của Thanh tra Sở Xây dựng; đồng thời, tham mưu Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

d. Công chức thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố cấp Giấy phép xây dựng hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; đồng thời, chuyển Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính, hoặc đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong trường

hợp vượt thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trách nhiệm theo dõi việc dừng thi công xây dựng công trình

a. Đối với công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã lập Biên bản vi phạm hành chính

Kể từ khi lập Biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi và thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

b. Đối với công trình do Tổ Công tác lập Biên bản vi phạm hành chính

Kể từ khi lập Biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, Tổ Công tác phối hợp và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

c. Đối với công trình do công chức, thanh tra viên Thanh tra Sở Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính

Kể từ khi lập Biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, Thanh tra Sở Xây dựng phối hợp và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi và thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

d. Đối với các công trình do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố lập Biên bản vi phạm hành chính

Kể từ khi lập Biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi và thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

4. Trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các Quyết định xử lý vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành; đồng thời, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các Quyết định xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; đồng thời, tổ chức thực hiện các Quyết định xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

b. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các Quyết định xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

d. Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các Quyết định xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

d. Trong trường hợp phải tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình hoặc bộ phận công trình vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập, phê duyệt phương án và tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. Tổ Công tác chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân quận/huyện trong công tác cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng.

V. MỤC TIÊU PHÂN ĐÁU

1. Đảm bảo 100% công trình xây dựng trên địa bàn phải được kiểm tra theo đúng quy định (trừ công trình bí mật Nhà nước; công trình quốc phòng, an ninh).

2. Đảm bảo 100% công trình vi phạm trật tự xây dựng được phát hiện, xử lý ngay từ đầu.

3. Kéo giảm ít nhất 50% số vụ vi phạm trật tự xây dựng qua từng năm.

VI. GIẢI PHÁP VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tăng cường lực lượng

1.1. Nội dung thực hiện

- Rà soát tình hình biên chế, tăng cường lực lượng phụ trách quản lý trật tự xây dựng (cán bộ địa chính và Thanh tra địa bàn). Nâng cao ý thức trách nhiệm thực thi công vụ của từng Thanh tra viên, nhân viên và công chức địa chính - xây dựng cấp xã. Đồng thời phát huy và nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Mặt trận Tổ quốc; các Đoàn thể chính trị - xã hội trong việc kịp thời phát hiện, thông tin các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

- Tổ phó Tổ công tác theo Kế hoạch này (Phó Chánh Thanh tra Sở phụ trách địa bàn) hàng tuần có lịch làm việc trực tiếp tại trụ sở Đội Thanh tra địa bàn để kịp thời chỉ đạo, xử lý công việc tại Đội.

- Điều chuyển, thay thế ngay cán bộ, công chức uy tín giám sát, năng lực hạn chế, kết quả công tác không đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; kiên quyết đưa ra khỏi tổ chức các cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng nhưng buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn được phân công quản lý nhưng không kịp thời phát hiện hoặc phát hiện nhưng không xử lý theo quy định.

1.2. Trách nhiệm thực hiện

a. Sở Xây dựng

- Tăng cường nhân sự Đội Thanh tra địa bàn tại các phường/xã/thị trấn có tình hình vi phạm trật tự xây dựng phức tạp. Ưu tiên đảng viên; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có đạo đức, ý thức trong thực thi công vụ...

- Tổ chức quán triệt, giáo dục nâng cao ý thức thực thi công vụ, chấp hành nội quy cơ quan, Quy tắc ứng xử và nghiệp vụ kiểm tra, xử lý vi phạm xây dựng đến từng Thanh tra viên, công chức, nhân viên được giao phụ trách địa bàn.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng. Kiên quyết xử lý trách nhiệm cá nhân, tổ chức để xảy ra vi phạm mà không phát hiện xử lý hoặc không đề xuất xử lý kịp thời.

b. Ủy ban nhân dân quận/huyện

- Tăng cường nhân sự bao gồm địa chính các phường/xã/thị trấn, lực lượng Đội Quản lý trật tự đô thị tại các địa bàn có tình hình xây dựng phức tạp. Ưu tiên đảng viên; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có đạo đức, ý thức trong thực thi công vụ...

- Xem xét, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý có hành vi buông lỏng, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định.

- Chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Giải pháp đảm bảo điều kiện làm việc

2.1. Nội dung thực hiện

Rà soát về điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo phục vụ công tác, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức thực thi công vụ.

2.2. Trách nhiệm thực hiện

a. Sở Xây dựng trang bị cho Đội Thanh tra địa bàn quận/huyện các dụng cụ chuyên dùng để phục vụ công tác như: thước đo, bàn làm việc đặt tại Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo mỗi Tổ ở mỗi xã đều có máy vi tính, máy in và các loại Biên bản được in sẵn.

b. Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chỉ đạo điều hành, Ủy ban nhân dân quận, huyện bố trí nơi làm việc của Đội Thanh tra địa bàn tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận, huyện.

c. Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận/huyện phối hợp xây dựng cơ chế hỗ trợ về vật chất và tinh thần nhằm tạo điều kiện để cán bộ được phân công phụ trách địa bàn yên tâm công tác, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

3. Giải pháp cơ chế phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính

3.1. Nội dung phối hợp:

a. Tổ chức lại lực lượng Thanh tra Sở Xây dựng theo tinh thần việc kiểm tra, xử lý các sai phạm trong xây dựng không phép, xây dựng trên đất không được phép xây dựng, xây dựng sai phép là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận/huyện, phường/xã/thị trấn với lực lượng phối hợp thực hiện là Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện (trong giai đoạn chờ thí điểm thành lập Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện).

b. Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn chịu trách nhiệm toàn diện đối với các hoạt động xây dựng trên đất không được phép xây dựng. Trong trường hợp phát sinh vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn chỉ đạo cán bộ địa chính chủ trì, phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, lập hồ sơ xử lý vi phạm theo lĩnh vực đất đai.

c. Tổ Công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng trên địa bàn; phát hiện, ngăn chặn, lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật; đề xuất, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

d. Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn chủ trì phối hợp với Tổ Công tác thường xuyên theo dõi, giám sát việc ngừng thi công công trình sau khi đã bị lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng. Trường hợp Chủ đầu tư không ngừng thi công thì áp dụng các biện pháp hành chính thực hiện cưỡng chế buộc ngừng thi công xây dựng công trình theo quy định; tránh trường hợp công trình vi phạm đang bị xử lý mà tiếp tục thi công, hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.2. Trách nhiệm thực hiện

a. Sở Xây dựng

- Chủ trì xây dựng kế hoạch phối hợp thường xuyên tuần tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa và phát hiện ngay từ đầu các công trình vi phạm, đảm bảo 100% công trình được kiểm tra và xử lý nghiêm khi phát hiện sai phạm.

- Công khai Kế hoạch tuần tra, kiểm tra; Quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng; công khai số điện đường dây nóng (số điện thoại cơ quan, số điện thoại lãnh đạo phụ trách trật tự xây dựng) đến mọi người dân để cùng giám sát và thông tin khi phát hiện công trình có dấu hiệu sai phạm.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch liên tịch tăng cường phối hợp công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quận/huyện, trình Giám đốc Sở Xây dựng – Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố.

b. Ủy ban nhân dân quận/huyện

- Bổ trí lực lượng phối hợp thường xuyên với Tổ Công tác tiến hành tuần tra, kiểm tra theo kế hoạch và phát hiện, xử lý nghiêm ngay từ đầu các công trình sai phạm, đảm bảo 100% công trình được kiểm tra và xử lý nghiêm khi phát hiện sai phạm.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn đến Tổ nhân dân tăng cường vai trò giám sát, kịp thời thông tin cho các đơn vị thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng. Tránh trường hợp lợi dụng việc thu thập thông tin để trục lợi.

4. Giải pháp xử lý triệt để công khai, khách quan các vụ việc tồn đọng**4.1. Nội dung phối hợp:**

a. Tập trung tổng rà soát, đánh giá tình hình xây dựng, phân tích cụ thể số liệu vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn, từ đó, triển khai các giải pháp xử lý cụ thể đối với từng nhóm hành vi vi phạm theo quy mô, tính chất công trình, lập lại trật tự quản lý xây dựng trên địa bàn.

b. Xử lý nghiêm và dứt điểm các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng đã bị phát hiện và có Quyết định xử lý vi phạm hành chính của người có thẩm quyền.

4.2. Trách nhiệm thực hiện**a. Sở Xây dựng**

- Đội Thanh tra địa bàn phối hợp Ủy ban nhân dân quận/huyện thống kê, rà soát các công trình vi phạm còn tồn đọng nhưng chưa kịp thời xử lý; tham mưu xử lý dứt điểm, không để xảy ra tình trạng các công trình vi phạm trật tự xây dựng phức tạp, kéo dài trên địa bàn quận/huyện.

- Đối với các công trình vi phạm đã có Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nhưng chưa tổ chức thực hiện, Thanh tra Sở Xây dựng rà soát, lập danh sách và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân quận/huyện để lập, thẩm định, phê duyệt phương án tháo dỡ và tổ chức thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Kế hoạch số 3333/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019.

- Đội Thanh tra địa bàn tham gia, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận/huyện thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm theo các Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện và Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành.

b. Ủy ban nhân dân quận/huyện

- Tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình (hoặc bộ phận công trình) vi phạm đã có Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Tổ Công tác rà soát, phân loại, đánh giá tình hình từng trường hợp vi phạm cụ thể, báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét, có biện pháp xử lý phù hợp với thực tiễn tại địa phương và thẩm quyền theo quy định.

5. Giải pháp phát huy sức mạnh tổng hợp hệ thống chính trị của địa phương

- Đề xuất Ban Chấp hành Đảng bộ quận/huyện quán triệt nâng cao vai trò nêu gương chấp hành pháp luật trong hoạt động xây dựng đối với đảng viên; vai trò của Chi bộ, Bí thư Chi bộ của Đội Thanh tra địa bàn, các Phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận/huyện, Đảng ủy phường/xã/thị trấn.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Mặt trận Tổ quốc phường/xã/thị trấn; các Đoàn thể chính trị - xã hội, Tổ nhân dân, trong việc kịp thời phát hiện, thông tin về các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chế độ giao ban

a. Tổ công tác thống nhất tổ chức họp giao ban định kỳ 02 lần/tháng để kịp thời thông tin kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch phối hợp; kịp thời chỉ đạo các giải pháp tiếp theo.

b. Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giao ban với Tổ Công tác và các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn, để kịp thời chỉ đạo xử lý, không để phát sinh phức tạp về tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

c) Định kỳ 3 tháng, Sở Xây dựng tổ chức giao ban công tác quản lý trật tự xây dựng với Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Chế độ báo cáo

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thanh tra Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. Báo cáo gửi trước ngày 30 hàng tháng.

- Tổ Công tác có có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thanh tra Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. Báo cáo gửi trước ngày 30 hàng tháng.

- Ủy ban nhân dân quận/huyện, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý, năm cho Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. Báo cáo gửi trước ngày 05 của tháng đầu tiên quý tiếp theo (đối với báo cáo quý), trước ngày 05/01 của năm tiếp theo (đối với báo cáo năm).

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý, năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

3. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh trong quá trình xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Khen thưởng

a. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng; nghiêm minh, trung thực trong thi hành công vụ; kiên quyết đấu tranh với các hành vi những nhiễu, tiêu cực; tùy theo thành tích sẽ được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

b. Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố sẽ được xem xét khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác thi đua, khen thưởng.

5. Kỷ luật

a. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm chính về kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý trật tự xây dựng.

b. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng, Thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên được giao nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng, nếu vi phạm một trong những nội dung sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, kỷ luật theo quy định pháp luật:

- Thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng quản lý hoặc có dấu hiệu bao che, tiếp tay cho vi phạm.

- Không phát hiện, xử lý hoặc xử lý không kịp thời theo thẩm quyền đối với các thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng, để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

- Không phối hợp hoặc thiếu trách nhiệm trong công tác phối hợp xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

- Không thực hiện, thực hiện không kịp thời các biện pháp ngừng thi công, đình chỉ thi công hoặc dung túng, tiếp tay cho hành vi vi phạm để công trình tiếp tục xây dựng.

- Không thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và theo Kế hoạch này.

- Những hành vi vi phạm khác theo quy định pháp luật.

6. Xử lý kỷ luật

a. Người có hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

b. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ được thực hiện theo quy định.

7. Triển khai thực hiện

a. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận/huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai các giải pháp trong Kế hoạch này nhằm chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng, tập trung lập lại trật tự xây dựng trên địa bàn quận/huyện, phường/xã/thị trấn.

b. Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện chỉ đạo các các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng tháng Tổ Công tác báo cáo kết quả thực hiện cho Giám đốc Sở Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện.

c. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng, để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung Kế hoạch liên tịch (Mẫu) cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế./.

CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4354/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện
Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Y tế thành phố tại Tờ trình số 1812/TTr-SYT ngày 09 tháng 4 năm 2019 và Công văn số 4266/SYT-NVY ngày 08 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần A

CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN VÀ CÁC CHỈ SỐ VỀ SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Tình hình công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân của thành phố

Trong những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt nhiều thành tựu trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân thành phố. Những mục tiêu, chỉ tiêu của các chương trình quốc gia về y tế - dân số, chương trình sức khỏe thành phố đều được

hoàn thành, trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức đề ra và ở mức cao nhất của cả nước. Thành phố đã xây dựng nhiều kế hoạch thực hiện các chương trình, chiến lược quốc gia về phòng chống bệnh tật, nâng cao sức khỏe và tầm vóc cho người dân, gồm:

- Kế hoạch số 7031/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) và Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá và một số biện pháp phòng chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, Chương trình PCTHTL đã được triển khai trên toàn thành phố thông qua các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe và xây dựng môi trường không khói thuốc.

- Kế hoạch số 3911/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2017 - 2020 của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kế hoạch số 2497/KH-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2025.

- Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách thực hiện Đề án Chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng, góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, Thành phố vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, do những tác động từ biến đổi môi trường - khí hậu, sự thay đổi và phát triển về đời sống kinh tế - xã hội của người dân dẫn đến sự gia tăng của gánh nặng bệnh tật cũng như nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng, nâng cao:

- Công tác thông tin, giáo dục truyền thông về sức khỏe chưa thật sự hiệu quả. Gánh nặng bệnh tật và gánh nặng kinh tế do bệnh tật còn chưa được các cấp, các ngành nhận thức đầy đủ. Ý thức chấp hành pháp luật về phòng chống tác hại thuốc lá, phòng chống tác hại rượu bia của người dân còn chưa cao. Nhận thức của một bộ phận cộng đồng về nâng cao sức khỏe, phòng chống yếu tố nguy cơ còn chưa đầy đủ;

những hiểu biết về tự theo dõi phát hiện sớm bệnh, chăm sóc, theo dõi và tuân thủ điều trị trong nhân dân còn hạn chế.

- Sự phối hợp đa ngành trong kiểm soát các yếu tố nguy cơ bệnh tật, các chính sách kiểm soát yếu tố nguy cơ chưa đồng bộ, toàn diện và việc tuân thủ chưa tốt (thiếu Luật phòng, chống tác hại rượu bia, chính sách tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho tăng cường hoạt động thể lực, thể thao quần chúng; chính sách khuyến khích các thực phẩm có lợi cho sức khỏe, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe...). Chưa có một đầu mối tổ chức thống nhất để điều phối, huy động sự tham gia liên ngành trong kiểm soát các yếu tố nguy cơ bệnh tật. Các sở, ngành liên quan chưa phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm trong thực thi các chính sách của các Bộ, ngành mình để kiểm soát rượu bia, thuốc lá, khuyến khích dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực...

- Việc tổ chức hoạt động phòng, chống bệnh tật, chăm sóc sức khỏe lồng ghép giữa các chương trình, dự án phòng chống bệnh tật thuộc chương trình mục tiêu quốc gia y tế, giữa các cơ sở y tế dự phòng và khám chữa bệnh còn hạn chế.

- Các chương trình phòng, chống bệnh tật tập trung chủ yếu vào quản lý và điều trị người bệnh, chưa chú trọng tới y tế dự phòng, phục hồi chức năng và giám sát theo dõi; chưa tiếp cận toàn diện theo cả chu trình vòng đời.

- Mạng lưới y tế dự phòng chưa tham gia đầy đủ vào hệ thống khám, phát hiện sớm, tư vấn và dự phòng bệnh không lây nhiễm mạn tính. Y tế cơ sở tuy được nâng cấp về trang thiết bị và nhân lực, nhưng năng lực sàng lọc, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm, cung ứng các dịch vụ chăm sóc, quản lý người bệnh không lây nhiễm chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội, dẫn tới quá tải ở các bệnh viện tuyến trên.

- Hoạt động phát hiện sớm, quản lý, tư vấn và dự phòng cho người nguy cơ cao còn chưa triển khai một cách hệ thống, rộng khắp. Các can thiệp giảm ăn mặn, can thiệp sàng lọc giảm tác hại rượu bia, cai nghiện rượu, cai nghiện thuốc lá mới triển khai ở quy mô nhỏ.

- Thành phố còn thiếu các số liệu chuẩn hóa mang tính hệ thống; thông tin, số liệu để theo dõi xu hướng, quy mô và sự phân bố của bệnh không lây và các yếu tố nguy cơ.

- Phân bổ kinh phí chưa thật sự quan tâm đầu tư cho dự phòng, khám, phát hiện sớm, tư vấn tại cộng đồng. Chưa tạo đủ cơ chế tài chính bền vững cho phòng chống bệnh tật, nhất là các bệnh không lây nhiễm mạn tính. Bên cạnh đó, Bảo hiểm y tế không chi trả cho một số dịch vụ phòng chống bệnh tật.

2. Các chỉ số sức khỏe tại Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Đến năm 2018
Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý	
Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	6,8%
Chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi)	
- Nam (cm)	168,2 cm
- Nữ (cm)	155,9 cm
Phòng chống tác hại của thuốc lá	
Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	46,7%
Tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân	
- Tại nhà	25,2%
- Nơi làm việc	42,1%
Vệ sinh môi trường	
Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	
- Nông thôn	100%
- Thành thị	100%
Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	
- Nông thôn	98,5%
- Thành thị	99%
An toàn thực phẩm	
Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (giai đoạn 2011 - 2018)	24 vụ
Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh	
Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:	
- Tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi (08 loại vắc-xin)	> 95%
- Tiêm vắc-xin sởi - rubella	> 90%
- Tiêm vắc-xin DPT mũi 4	> 80%

Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm	
Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	52%
Tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	3%
Tỷ lệ quản lý tăng huyết áp	34%
Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	
Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%

Phần B

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho mỗi người dân; thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tâm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

b) Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

c) Mục tiêu 3: Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

3. Chỉ tiêu

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030
Thực hiện Mục tiêu 1		
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý		
1) Giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	< 6%	< 5%
2) Khống chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	< 33%	< 30%
3) Tăng chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi)		
- Nam (cm)	168,5	168,8
- Nữ (cm)	156,5	157,5
4) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây	50%	45%
5) Giảm mức tiêu thụ muối /người/ngày (gam)	< 8g	< 7g
2. Tăng cường vận động thể lực		
6) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:		
- Người 18 - 69 tuổi	25%	20%
- Trẻ em 13 - 17 tuổi	60%	40%
Thực hiện Mục tiêu 2		
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá		
7) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	37%	32,5%
8) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân		
- Tại nhà	20%	15%
- Nơi làm việc	50%	40%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia		
9) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	39%	35%
5. Vệ sinh môi trường		
10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch		
- Nông thôn	100%	100%
- Thành thị	100%	100%
11) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh		
- Nông thôn	> 99%	100%

- Thành thị	> 99%	100%
12) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng (trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh)	50%	70%
6. An toàn thực phẩm		
13) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011 - 2015)	10%	20%
14)		
- Người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có kiến thức thực hành đúng các quy định về an toàn thực phẩm	90%	95%
- Người quản lý (bao gồm quản lý nhà nước và quản lý cơ sở) nắm vững kiến thức pháp luật trong quản lý về an toàn thực phẩm	95%	95%
- Người tiêu dùng có kiến thức trong việc lựa chọn sản phẩm thực phẩm	80%	90%
15) Tăng tỷ lệ cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm		
- Cơ sở sản xuất quy mô công nghiệp, tập trung	95%	98%
- Cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ và vừa	80%	90%
- Dịch vụ ăn uống (thuộc diện cấp giấy)	75%	90%
- Bếp ăn tập thể (thuộc diện cấp giấy)	95%	98%
7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh		
16) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:		
- 12 loại vắc xin	> 95%	> 95%
- 14 loại vắc xin		
17) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh		
- Trường mầm non	70%	90%
- Trường tiểu học	75%	100%
18) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	40%	60%
Thực hiện Mục tiêu 3		
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm		
19) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	95%	100%
20) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	50%	70%

21) Tăng tỷ lệ quản lý tăng huyết áp	25%	> 40%
22) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	50%	70%
23) Tăng tỷ lệ quản lý đái tháo đường	> 30%	> 40%
24) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	40%	50%
9. Quản lý sức khỏe người dân		
25) Tỷ lệ người dân được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	90%	95%
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		
26) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động		
27) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	50%	70%
28) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...)	40%	50%

II. GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ

1. Đẩy mạnh công tác quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương trên cơ sở các mục tiêu sức khỏe của quốc gia.

b) Tăng cường trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố trong phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do ngành, lĩnh vực phụ trách.

c) Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ xã hội cho người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác theo quy định, bảo đảm sự phối

hợp và kết nối hiệu quả giữa ngành lao động - thương binh và xã hội và ngành y tế.

d) Thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ, thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe và phòng, chống bệnh tật:

- Thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn thực phẩm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Người cao tuổi; Luật trẻ em; Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát việc quảng cáo, kinh doanh và thu thuế để hạn chế sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác có nguy cơ với sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em.

- Rà soát, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sản xuất, cung cấp và tiêu thụ các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; phát triển giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới, đồng thời bảo đảm các tiện ích cho người khuyết tật, người cao tuổi tại các khu vực công cộng.

2. Tăng cường chất lượng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ

a) Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý:

- Triển khai các nội dung về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời bao gồm: thực hiện chăm sóc và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.

- Thực hiện các biện pháp để bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn:

+ Thực hiện nghiêm việc dán nhãn đối với thực phẩm chế biến sẵn trong đó công bố năng lượng, hàm lượng muối, đường, chất béo bão hòa, chất béo thể chuyển hóa (thể trans), vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm và cảnh báo sức khỏe cho người

tiêu dùng.

+ Tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng cho người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tư vấn về dinh dưỡng cho người lao động.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho cộng đồng, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em về chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn giảm muối, ăn đủ rau và trái cây và hạn chế sử dụng thực phẩm không có lợi cho sức khỏe. Kê đơn dinh dưỡng và vận động thể lực trong quản lý và điều trị người mắc bệnh không lây nhiễm.

b) Tăng cường vận động thể lực cho người dân:

- Hỗ trợ người dân tăng cường vận động thể lực theo khuyến cáo:

+ Phát động phong trào 10.000 bước chân mỗi ngày để vận động, khuyến khích, hỗ trợ cho người dân tham gia và duy trì thói quen vận động thể lực bằng hình thức đi bộ.

+ Huy động, cung cấp, tạo điều kiện cho người dân ở cộng đồng có đường đi bộ an toàn và thuận tiện, được tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; tạo điều kiện, thúc đẩy người dân sử dụng giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới.

+ Tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng dân cư gắn với các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng theo nhóm đối tượng, nhóm tuổi; kèm theo các hướng dẫn, hỗ trợ để làm cho người dân hình thành và duy trì thói quen vận động thể lực hằng ngày.

+ Tổ chức các hình thức vận động thể lực, thể dục giữa giờ phù hợp cho người lao động tại nơi làm việc, đặc biệt cho những người làm việc văn phòng.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn về vận động thể lực cho người dân và bệnh nhân, lồng ghép kê đơn vận động thể lực trong quản lý bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

- Tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên:

+ Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định.

+ Duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa. Tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ. Bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

c) Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh:

- Tiêm chủng cho trẻ em: Bảo đảm việc cung ứng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng; nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ tiêm chủng; tổ chức tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng; triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tiêm chủng quốc gia.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

+ Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn.

+ Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về thể lực và tầm vóc.

+ Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống.

+ Quản lý hoạt động của căng - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực cổng trường.

+ Tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phát triển và kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật; duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

- Chăm sóc mắt cho trẻ em:

+ Cung cấp các dụng cụ, công cụ đơn giản cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn

và các trường học kết hợp với hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em, học sinh thường xuyên tự đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực.

+ Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

d) Phòng chống tác hại của thuốc lá:

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại các địa phương và cộng đồng. Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả.

- Thực hiện xử phạt nghiêm hành vi vi phạm quy định không hút thuốc nơi công cộng, trường học, bệnh viện, gia đình, cơ quan, xí nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế và cộng đồng trên toàn thành phố.

đ) Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác:

- Thực hiện nghiêm Chính sách Quốc gia về phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia theo Quyết định số 244/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; triển khai triệt để các quy định không uống rượu, bia trong giờ làm việc, không lạm dụng rượu, bia trong các sinh hoạt cộng đồng (ma chay, cưới hỏi...).

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, cai nghiện rượu, bia tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng trên phạm vi toàn quốc.

e) Vệ sinh môi trường:

- Triển khai các hoạt động giảm tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất tới sức khỏe con người. Thực hiện truyền thông về nguy cơ, nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác

động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân.

- Có các giải pháp chuyên môn kỹ thuật để tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tăng cường triển khai kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư; thực hiện tốt việc xử lý nước và vệ sinh môi trường.

- Truyền thông vận động cộng đồng xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, chấm dứt đi tiêu bừa bãi; thực hành ủ phân hợp vệ sinh, không sử dụng phân tươi để bón ruộng và xóa bỏ cầu tiêu ao cá.

- Quản lý tốt rác thải sinh hoạt; vận động người dân thu gom, loại bỏ dụng cụ phế thải, hạn chế tối đa nơi sinh sản của muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết.

- Vận động người dân làm chuồng trại xa nhà, không thả rông gia súc; thường xuyên tổ chức những đợt tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, cơ quan, trường học, nơi công cộng và nhà dân để tạo thói quen và nề nếp vệ sinh trong nhân dân.

- Rửa tay với xà phòng:

+ Phối hợp liên ngành để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về lợi ích của rửa tay với xà phòng, quy trình rửa tay đúng cách và các thời điểm cần rửa tay với xà phòng.

+ Tổ chức chiến dịch hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thống rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.

+ Trang bị các thiết bị, điều kiện hỗ trợ cho việc rửa tay với xà phòng tại trường học, bệnh viện, nơi làm việc và các nơi công cộng khác.

g) An toàn thực phẩm:

- Phát huy hiệu quả vai trò phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm tại thành phố; tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm; quản lý

hoạt động quảng cáo các sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm tiếp cận với trẻ em.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; triển khai đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm để áp dụng trên toàn thành phố; áp dụng các hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm làm cơ sở cho công tác quản lý an toàn thực phẩm dựa vào bằng chứng.

- Áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng. Phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm, tư vấn và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000)

- Đẩy mạnh triển khai nhân rộng những mô hình tiên tiến về quản lý, sản xuất thực phẩm an toàn; phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên toàn thành phố.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, cảng, trường học, khu công nghiệp và chế xuất.

h) Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và quản lý điều trị đối với các bệnh (1) tăng huyết áp, (2) đái tháo đường, (3) một số loại ung thư:

- Cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức, hỗ trợ, hướng dẫn người dân biết tự theo dõi tình trạng sức khỏe, chủ động, định kỳ đi đo huyết áp để phát hiện sớm tăng huyết áp, kiểm tra đường huyết để phát hiện sớm đái tháo đường và khám phát hiện sớm một số bệnh ung thư; tư vấn cho người dân thay đổi hành vi; hướng dẫn người mắc bệnh mạn tính tuân thủ việc dùng thuốc và tự chăm sóc tại nhà theo chỉ định của thầy thuốc.

- Phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng:

+ Tăng cường phát hiện sớm người mắc tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ

tim mạch thông qua theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI), đo huyết áp, xét nghiệm đường máu tối thiểu 1 lần/năm, phát hiện sớm một số ung thư phổ biến qua khám sàng lọc tại y tế cơ sở và cộng đồng.

+ Cung cấp các dịch vụ chẩn đoán, điều trị, quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường nguy cơ tim mạch và chăm sóc hỗ trợ người mắc bệnh ung thư, một số bệnh không lây nhiễm khác theo quy định tại các trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn trên toàn quốc.

i) Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng:

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản như: BMI, huyết áp, đường máu, sàng lọc một số ung thư và theo dõi các chỉ số khác phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.

- Lập Hồ sơ quản lý sức khỏe cho cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng theo các nhóm tuổi: trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

- Theo dõi tình trạng sức khỏe, quản lý, khám, tư vấn, chuyển tuyến, can thiệp chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân, đặc biệt đối với quản lý bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, chăm sóc sức khỏe:

+ Kết nối liên tục, chia sẻ thông tin giữa các tuyến để bảo đảm theo dõi sức khỏe tình trạng bệnh tật của cá nhân một cách liên tục. Bảo đảm bảo mật các thông tin về sức khỏe của người dân.

+ Tích hợp các nội dung vào hệ thống quản lý thông tin đề: (1) phát hiện bệnh sớm, (2) quản lý tiêm chủng, (3) giám sát bệnh truyền nhiễm, (4) quản lý các bệnh không lây nhiễm, (5) thống kê báo cáo phục vụ việc theo dõi quy mô và sự phân bố bệnh tật

+ Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe toàn dân, có trang thông tin điện tử để giao tiếp, kết nối với người dân, người bệnh, chia sẻ thông tin,

cảnh báo sức khỏe, hỗ trợ người dân thực hành dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, hướng dẫn đi khám, kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, dùng thuốc và tự chăm sóc.

k) Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở lão khoa trên toàn thành phố.

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tuyến y tế cơ sở, tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội, nhà dưỡng lão và tại cộng đồng:

+ Cung cấp các hướng dẫn chuyên môn, tăng cường đào tạo tập huấn về chăm sóc người cao tuổi kết hợp quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc.

+ Triển khai chăm sóc dài hạn lồng ghép quản lý bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

+ Triển khai cung cấp các gói dịch vụ y tế cơ bản về bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được chi trả bởi quỹ bảo hiểm y tế và ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành

+ Phát triển mạng lưới bác sĩ gia đình để cung cấp các dịch vụ quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

+ Thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

l) Chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ và yếu tố có hại, áp dụng hiệu quả mô hình phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phổ biến tại các cơ sở lao động.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề.

- Phối hợp, lồng ghép khám phát hiện bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người lao động

tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Triển khai quản lý sức khỏe người lao động, bảo đảm người lao động được chăm sóc liên tục, lâu dài bởi bộ phận y tế của các cơ sở lao động hoặc trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Triển khai mô hình gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (các khu vực nông nghiệp, làng nghề, lâm nghiệp và ngư nghiệp...) theo hướng dẫn, quy định của cơ quan có thẩm quyền, tập trung vào các nội dung: quản lý sức khỏe người lao động thông qua quản lý hồ sơ sức khỏe chung của người dân trên địa bàn xã, phường, thị trấn; rà soát môi trường làm việc, tư vấn cải thiện điều kiện lao động; thông tin, truyền thông về các yếu tố nguy cơ, yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp; và thực hiện sơ cứu, cấp cứu các trường hợp tai nạn lao động tại trạm y tế xã, phường, thị trấn và cơ sở y tế tương đương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng về khoa học công nghệ trong lĩnh vực vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.

m) Ban hành các khuyến nghị, hướng dẫn cho cộng đồng về nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt tài liệu cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi. Cung cấp tài liệu chuyên môn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở để sàng lọc; tư vấn về sức khỏe, dinh dưỡng và vận động thể lực; cai nghiện thuốc lá, rượu, bia; hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

n) Đảm bảo sự tương thích, lồng ghép hài hòa các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của các chương trình, dự án, đề án hiện có của ngành y tế và các ngành khác để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

3. Giải pháp về truyền thông vận động xã hội

a) Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông trên toàn thành phố để tuyên truyền, phổ biến vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

b) Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về

sức khỏe phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng:

- Các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, hướng dẫn thực hành chế độ dinh dưỡng hợp lý ở các gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; truyền thông giảm muối trong khẩu phần ăn của người dân, khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ nước giải khát có đường...

- Truyền thông vận động phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao, tổ chức ngày toàn dân đi bộ. Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình rèn luyện thể dục thể thao, đi bộ ở nơi làm việc và ở cộng đồng dân cư.

- Truyền thông để phổ biến và thúc đẩy việc tuân thủ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, đặc biệt là quy định về môi trường không khói thuốc.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông về phòng chống tác hại của rượu, bia trên thông tin đại chúng và trong các cơ sở giáo dục.

- Truyền thông, vận động người dân đưa trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động, nhận biết nguy cơ và phòng chống hiệu quả bệnh nghề nghiệp đối với ngành y tế và các ngành nghề lao động đặc thù. Phối hợp giữa các sở, ngành, cơ quan đơn vị thực hiện tháng hành động quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hằng năm.

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về an toàn thực phẩm. Phối hợp Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố và các cơ quan, đơn vị tổ chức liên quan trong tuyên truyền, vận động nhân dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

- Chú trọng truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam thông qua các phương thức truyền thông phổ biến như truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, thông qua mạng lưới thông tin truyền thông ở cơ sở, gắn với các chương trình giáo dục, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc vận động, các phong trào quần chúng và các hoạt động khác ở cộng đồng.

c) Lồng ghép chủ đề truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào các chiến dịch truyền thông, các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới, Ngày Sức khỏe thế giới, Ngày Hen toàn cầu, Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới, Ngày/Tuần lễ Không thuốc lá, Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu, Ngày Tim mạch thế giới, Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới, Ngày Đột quy thế giới, Ngày Phòng chống đái tháo đường thế giới, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Nhà vệ sinh thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày Thể thao Việt Nam, Tuần lễ Tiêm chủng thế giới, Tháng Hành động vì an toàn thực phẩm và các sự kiện liên quan khác.

4. Giải pháp về nguồn lực

a) Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe Việt Nam được lồng ghép từ nguồn lực của các chương trình, dự án và từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ nguồn lực cho xây dựng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe.

c) Việc thực hiện các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam cần bảo đảm lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của thành phố, lồng ghép trên cơ sở tăng cường, điều chỉnh, mở rộng các chương trình, dự án, đề án của các Bộ, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận của Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức có liên quan gồm:

- Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới;
- Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;
- Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số;
- Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- Chương trình Sữa học đường;
- Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh;
- Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030;

- Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030;
- Đề án y tế lao động xã hội nâng cao chất lượng chăm sóc người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, người tâm thần 2018 - 2030;
- Đề án phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2030;
- Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011 - 2020;
- Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân 2016 - 2020;
- Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm 2015 - 2025;
- Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến 2020;
- Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020;
- Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;
- Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân;
- Phong trào Làng Văn hóa sức khỏe;
- Phong trào Vệ sinh yêu nước;
- Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh;
- Các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch có liên quan khác.

Kinh phí hiện có cho các chương trình, dự án, đề án cần phải được ưu tiên phân bổ nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

a) Chủ động, tích cực hợp tác với các quốc gia, các Viện, trường, các Hiệp hội, tổ chức trong khu vực và trên thế giới trong nghiên cứu, đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

b) Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế để hỗ trợ, thúc đẩy triển khai thực hiện các hoạt động; lồng ghép các dự án hợp tác quốc tế với hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện các mục tiêu.

6. Giải pháp về theo dõi, giám sát và đánh giá

a) Áp dụng khung giám sát và bộ công cụ để theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh do cơ quan Trung ương xây dựng và ban hành.

b) Thực hiện các điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại thành phố. Lồng ghép thu thập số liệu trong điều tra yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm, điều tra sức khỏe trường học, điều tra dinh dưỡng và điều tra của các ngành, các lĩnh vực.

c) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, đề xuất thêm giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực để điều phối chung các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, tổ chức để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên phạm vi thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình thuộc ngành y tế trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; chủ trì, phối hợp để cung cấp các thông tin về Chương trình Sức khỏe Việt Nam cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ

tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện những chính sách, quy định pháp luật về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và giảng dạy kiến thức cho trẻ em, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống các yếu tố nguy cơ sức khỏe.

- Phối hợp Sở Y tế, Ban Quản lý an toàn thực phẩm tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc mắt, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sữa học đường, tăng cường vận động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Phối hợp Sở Y tế củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh, sinh viên trong các trường học.

3. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện những chính sách, quy định pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng tại thành phố

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao và các hoạt động khác của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình 10.000 bước chân mỗi ngày và triển khai các chương trình, phong trào rèn luyện thể dục thể thao khác trong cộng đồng.

- Lồng ghép các chỉ tiêu và nội dung liên quan của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 và các chương trình, đề án khác

- Phối hợp với các Sở, ngành triển khai xây dựng mô hình thành phố lành mạnh, khu du lịch không khói thuốc, làng, khu dân cư văn hóa..

4. Ban Quản lý an toàn thực phẩm

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn và giám sát việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố. Tham mưu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của thành phố; nghiên cứu đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm thực phẩm sạch, an toàn

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

- Triển khai hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục các sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn thành phố. Xây dựng hệ thống nghiên cứu phát triển, giám sát cảnh báo các nguy cơ về an toàn thực phẩm. Định hướng, phát triển cách thức ứng phó, xử lý đối với các tình huống phát sinh trong việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm làm ảnh hưởng đến chất lượng an toàn thực phẩm.

- Chủ trì, phối hợp Sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả việc nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên toàn thành phố.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý an toàn thực phẩm xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất lương thực, thực phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe trên địa bàn thành phố; phổ biến và triển khai thực hiện những chính sách khuyến khích, hướng dẫn sản xuất thực phẩm an toàn đã được

cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động sản xuất ban đầu lương thực, thực phẩm; kiểm soát dư lượng phân bón, các chất tăng trưởng, chất kháng sinh, chất phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm cho người sử dụng.

5. Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới:

Điều phối triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các đề án quy hoạch, tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác phát triển đô thị nhằm bảo đảm không gian sống và cơ sở vật chất cho tăng cường vận động thể lực, nâng cao chất lượng sống cho cư dân đô thị; bảo đảm các tiện ích phục vụ người khuyết tật và người cao tuổi tại thành phố.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường các hoạt động ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; đẩy mạnh công tác thực thi Luật Bảo vệ môi trường tại thành phố

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan triển khai các giải pháp, hoạt động đảm bảo cho người dân sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Rà soát để đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm giảm thiểu tối đa các yếu tố nguy hại đến sức khỏe nhân dân, hướng tới thực hiện mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt

Nam.

- Quản lý, kiểm soát theo thẩm quyền việc quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với thuốc lá, rượu, bia và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ sức khỏe.

9. Sở Giao thông vận tải

- Tăng cường quản lý, kiểm soát theo quy định đối với các phương tiện giao thông cơ giới thải ra môi trường các chất có nguy cơ đối với sức khỏe

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển giao thông công cộng và hạ tầng cơ sở cho giao thông phi cơ giới; bảo đảm các tiện ích phục vụ cho người khuyết tật, người cao tuổi khi tham gia giao thông trên địa bàn thành phố

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính bố trí kế hoạch vốn ngân sách thành phố cho các dự án đầu tư phục vụ cho thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Sở Tài chính

- Triển khai thực hiện các chính sách tài chính của Nhà nước về khuyến khích sản xuất và tiêu dùng sản phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe; khuyến khích xã hội hóa các hoạt động và cung cấp dịch vụ nâng cao sức khỏe.

- Căn cứ Kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định hiện hành.

12. Sở Công Thương

Tăng cường quản lý về kinh doanh thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe khác nhằm giảm thiểu yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe từ các sản phẩm này.

13. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm môi trường làm việc nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm

thiếu các yếu tố nguy cơ gây bệnh; phối hợp với Liên đoàn Lao động thành phố để tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm cho người lao động.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm, điều trị, phục hồi chức năng và quản lý sức khỏe cho người lao động mắc bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác.

- Phối hợp với Sở Y tế nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe đối với người cao tuổi và một số đối tượng cần chăm sóc đặc thù khác.

14. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các sở, ngành liên quan để phổ biến thông tin, tri thức về Chương trình Sức khỏe Việt Nam và các chương trình nâng cao sức khỏe thông qua các phương tiện công nghệ thông tin.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

- Chỉ đạo, triển khai và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chỉ đạo các hoạt động lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng Chương trình trong cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

16. Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

- Căn cứ theo chỉ tiêu, mục tiêu và các nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo chức năng, lĩnh vực phụ trách báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời gửi Sở Y tế để tổng hợp, theo dõi.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng quy định.

17. Ủy ban nhân dân quận, huyện

- Căn cứ theo các chỉ tiêu, mục tiêu của thành phố để chủ động xây dựng kế

hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với yêu cầu của địa phương, đưa các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo các xã, phường, thị trấn, các ngành tại địa phương triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại địa phương.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình sức khỏe Việt Nam” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức được phân công nhiệm vụ trong Kế hoạch nghiêm túc tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hàng năm về Sở Y tế để tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4447/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 5307a/TTr-SYT ngày 26 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Y tế.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

2.1. Công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại trụ sở nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2.2. Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

2.3. Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật; không công khai quy trình nội bộ đã hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
1	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
2	Công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế thuộc loại A
3	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D

QUY TRÌNH 1**Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế****(Trực tuyến mức độ 4)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018	01	Bản chính hoặc bản sao
02	Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018	01	Bản chính hoặc bản sao, có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng.
03	Văn bản phân công, bổ nhiệm người phụ trách chuyên môn của cơ sở sản xuất, kèm theo bản xác nhận thời gian công tác theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/ và văn bằng, chứng chỉ đã qua đào tạo của người phụ trách chuyên môn	01	Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản phân công, bổ nhiệm, văn bằng, chứng chỉ đã qua đào tạo của người phụ trách chuyên môn của cơ sở sản xuất; Các tài liệu không phải bằng tiếng Anh thì phải dịch ra tiếng Việt.
04	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng được công nhận bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật	01	Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của cơ sở đề nghị công bố đủ điều kiện sản xuất

<p>Lưu ý: . Đối với cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, phải có thêm hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho, sử dụng nguyên liệu là chất ma túy và tiền chất, quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất và kho bảo quản đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ hướng dẫn kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở trong nước (sau đây gọi tắt là Nghị định 80/2001/NĐ-CP).</p>		<p>đối với Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng. Các tài liệu không phải bằng tiếng Anh thì phải dịch ra tiếng Việt.</p>
--	--	---

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế tại địa chỉ trang web: dmecc.moh.gov.vn</p>	<p>Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ khi Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ trực tuyến</p>	<p>3.000.000 (Ba triệu đồng)</p>

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	24/24 giờ	Theo mục I	- Nộp hồ sơ: Thành phần hồ sơ theo mục I (nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế tại địa chỉ trang web http://dmec.moh.gov.vn, có video hướng dẫn)</p> <p>- Nộp phí</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	Theo mục I	Sau khi tiếp nhận được phí, Chuyên viên thực hiện nút xác nhận nộp phí hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng quản lý dịch vụ y tế	0.5 ngày làm việc	Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra về tính đầy đủ của thành phần hồ sơ - Tích chuyển trên hệ thống
B4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Dịch vụ Y tế	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	<p>Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, xác nhận phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích chuyển trên hệ thống
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Dịch vụ Y tế	1 ngày làm việc	Hồ sơ trình ký	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, xác nhận phê duyệt - Tích chuyển trên hệ thống bằng chữ kí số
B6	Trả kết quả	Chuyên viên Văn Phòng Sở	0,5 ngày làm việc	Kết quả	-Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố được đăng tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, có chữ kí số

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (Mẫu số 02 Phụ lục I)
2	BM 02	Bản kê khai nhân sự (Phụ lục II)
3	BM 03	Bản xác nhận thời gian công tác (Phụ lục III)
4	BM 04	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (Mẫu số 02 Phụ lục IV)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (Mẫu số 02 Phụ lục I)
2	BM 02	Bản kê khai nhân sự (Phụ lục II)
3	BM 03	Bản xác nhận thời gian công tác (Phụ lục III)
4	BM 04	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (Mẫu số 02 Phụ lục IV)
5		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

- Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính Phủ sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế

- Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BYT ngày 30/01/2019 hợp nhất Nghị định về quản lý trang thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành

- Thông tư số 39/2016/TT-BYT ngày 28/10/2016 về việc Quy định chi tiết việc phân loại trang thiết bị y tế;

- Thông tư số 42/2016/TT-BYT ngày 15/1/2016 về việc quy định việc thừa nhận kết quả phân loại trang thiết bị y tế;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT

Số:

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹....., ngày ... tháng ... năm 20...

VĂN BẢN CÔNG BỐ

Đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế

Kính gửi:²

1. Tên cơ sở sản xuất:

Mã số thuế:

Địa chỉ:³

Địa chỉ cơ sở sản xuất:⁴

Điện thoại: Fax:

Email: Website (nếu có):

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở sản xuất:

Họ và tên:

Số CMND/Định danh/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:

Điện thoại cố định: Điện thoại di động:

3. Người phụ trách chuyên môn của cơ sở sản xuất:

Họ và tên:

Số CMND/Định danh/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:

Trình độ chuyên môn:

Thời gian công tác trong lĩnh vực trang thiết bị y tế:

4. Các trang thiết bị y tế do cơ sở sản xuất:

STT	Tên trang thiết bị y tế	Quy mô dự kiến (sản phẩm/năm)
1		
2		

Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế

Hồ sơ kèm theo gồm:

1.	Bản kê khai nhân sự
2.	Văn bản phân công, bổ nhiệm người phụ trách chuyên môn của cơ sở sản xuất
3.	Văn bản, chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thiết bị y tế hoặc quản lý thiết bị y tế của người phụ trách chuyên môn
4.	Bản xác nhận thời gian công tác của người phụ trách chuyên môn
5.	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng
6.	Hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho, sử dụng nguyên liệu là chất ma túy và tiền chất, quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất và kho bảo quản

Cơ sở công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế cam kết:

1. Nội dung thông tin công bố là chính xác, hợp pháp và theo đúng quy định. Nếu có sự giả mạo, không đúng sự thật cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm và duy trì các điều kiện đã công bố trong quá trình hoạt động của cơ sở.
3. Thông báo cho Sở Y tế nếu có một trong các thay đổi liên quan đến hồ sơ công bố.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

¹ Địa danh

² Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở

³ Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

⁴ Nếu trùng với địa chỉ đăng ký kinh doanh thì ghi “tại trụ sở”

MẪU BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ

(Kèm theo Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày ... tháng ... năm 20...

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác trong lĩnh vực trang thiết bị y tế				Quá trình đào tạo về lĩnh vực trang thiết bị y tế					Loại trang thiết bị y tế đăng ký thực hiện phân loại ⁽²⁾
				Đơn vị công tác	Thời gian công tác	Vị trí đảm nhiệm	Công việc chính được giao	Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Văn bằng chứng chỉ, trình độ	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	
1													
2													
3													

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

¹ Địa danh.

² Chỉ áp dụng với nhân sự thực hiện phân loại trang thiết bị y tế. Đăng ký phân loại trang thiết bị y tế chẩn đoán invitro hoặc trang thiết bị y tế không phải trang thiết bị y tế chẩn đoán hoặc cả hai.

PHỤ LỤC III**MẪU BẢN XÁC NHẬN THỜI GIAN CÔNG TÁC***(Kèm theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....¹....., ngày.....tháng.....năm 20.....**BẢN XÁC NHẬN THỜI GIAN CÔNG TÁC**Kính gửi: ².....

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:

Số CMND/Định danh/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:

Kính đề nghị Quý cơ quan xác nhận các nội dung sau:

Tôi đã (hoặc đang) làm việc tại:.....

Thời gian làm việc: từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Vị trí đảm nhiệm:.....

Công việc chính được giao:.....

.....
.....

Kính mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Quý Cơ quan.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày... tháng.....năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**NƠI LÀM VIỆC***(ký, ghi họ tên, xác nhận)***NGƯỜI VIẾT ĐƠN***(ký, ghi rõ họ tên)*

1 Địa danh

2 Tên cơ quan, đơn vị nơi làm việc

Mẫu số 02**SỞ Y TẾ ...¹...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

...²..., ngày ... tháng ... năm 20...**PHIẾU TIẾP NHẬN****Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế**

1. Tên cơ sở sản xuất:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax:

4. Số văn bản đề nghị của cơ sở: ngày:.....

5. Tên trang thiết bị y tế cơ sở công bố sản xuất:

.....

6. Thành phần hồ sơ:

1.	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất	<input type="checkbox"/>
2.	Bản kê khai nhân sự	<input type="checkbox"/>
3.	Văn bản phân công, bổ nhiệm người phụ trách chuyên môn của cơ sở sản xuất	<input type="checkbox"/>
4.	Bản xác nhận thời gian công tác	<input type="checkbox"/>
5.	Văn bằng, chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thiết bị y tế hoặc quản lý thiết bị y tế của người phụ trách chuyên môn	<input type="checkbox"/>
6.	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/>
7.	Hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho, sử dụng nguyên liệu là chất ma túy và tiền chất, quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất và kho bảo quản	<input type="checkbox"/>

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ*(Ký, ghi rõ chức danh, họ và tên)*¹ Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở² Địa danh

QUY TRÌNH 2**Công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế thuộc loại A
(Trực tuyến mức độ 4)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018	01	Bản chính hoặc bản sao
02	Bản phân loại trang thiết bị y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018	01	Bản chính hoặc bản sao
03	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ. Đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước phải có thêm Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	01	Nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng; Trường hợp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Đối với Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất: Nộp bản sao có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng.
04	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế cho tổ chức	01	Đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước: Nộp bản

	<p>đúng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018</p>		<p>gốc hoặc bản sao có chứng thực; Đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu: Nộp bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản sao có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự.</p>
05	<p>Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành do chủ sở hữu trang thiết bị y tế cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018, trừ trường hợp trang thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu trang thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành</p>	01	<p>Đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước: Nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực; Đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu: Nộp bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc bản sao có chứng thực của bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự.</p>
06	<p>Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế do chủ sở hữu trang thiết bị y tế ban hành Riêng đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro: tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Việt theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 kèm theo tài liệu về nguyên vật liệu, về an toàn của sản phẩm, quy trình sản xuất, các báo cáo nghiên cứu lâm</p>	01	<p>Bản chính hoặc bản sao .Có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố</p>

	sàng và tiền lâm sàng bao gồm báo cáo độ ổn định		
07	Giấy chứng nhận hợp chuẩn theo quy định hoặc bản tiêu chuẩn sản phẩm do chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố kèm theo kết quả đánh giá các thông số hóa, lý, vi sinh và các thông số khác do cơ sở đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp cấp đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước. Kết quả đánh giá phải phù hợp với tiêu chuẩn mà chủ sở hữu công bố	01	Nộp bản sao có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng. Trường hợp Bản tiêu chuẩn không phải bằng tiếng Anh hoặc không phải tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.
08	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế	01	Nộp bản bằng tiếng Việt có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng
09	Mẫu nhãn sẽ sử dụng khi lưu hành tại Việt Nam của trang thiết bị y tế	01	Nộp bản mẫu nhãn có xác nhận của tổ chức đứng tên công bố
10	Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu	01	Bản chính hoặc bản sao đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Trường hợp Giấy chứng nhận lưu hành tự do không bằng tiếng Anh hoặc không bằng tiếng Việt thì phải dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được chứng thực theo quy định pháp luật. Giấy chứng nhận lưu hành tự do không ghi rõ thời gian hết hiệu lực thì thời điểm hết hiệu lực là 36 tháng kể từ ngày cấp.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế tại địa chỉ trang web: dmec.moh.gov.vn	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ khi Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ trực tuyến	1.000.000 (Một triệu) đồng

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	24/24 giờ	Theo mục I	- Nộp hồ sơ: Thành phần hồ sơ theo mục I (nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế tại địa chỉ trang web http://dmec.moh.gov.vn , có video hướng dẫn) - Nộp phí
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	Theo mục I	Sau khi tiếp nhận được phí, Chuyên viên thực hiện nút xác nhận nộp phí hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng quản lý dịch vụ y tế	0.5 ngày làm việc	Theo mục I	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra về tính đầy đủ của thành phần hồ sơ - Tích chuyển trên hệ thống
B4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Dịch vụ Y tế	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, xác nhận phê duyệt - Tích chuyển trên hệ thống

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Dịch vụ Y tế	1 ngày làm việc	Hồ sơ trình ký	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, xác nhận phê duyệt - Tích chuyển trên hệ thống bằng chữ kí số
B6	Trả kết quả	Chuyên viên Văn Phòng Sở	0,5 ngày làm việc	Kết quả	- Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố được đăng tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, có chữ kí số

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A (Mẫu số 03)
2	BM 02	Bản phân loại trang thiết bị y tế (Phụ lục V)
3	BM 03	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế (Phụ lục VI)
4	BM 04	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành (Phụ lục VII)
5	BM 05	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế. (Mẫu số 01 Phụ lục VIII)
6	BM 06	Riêng đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro (Mẫu số 02 Phụ lục VIII)
7	BM 07	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A (Mẫu số 03 Phụ lục IV)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A (Mẫu số 03)
2	BM 02	Bản phân loại trang thiết bị y tế (Phụ lục V)

3	BM 03	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế (Phụ lục VI)
4	BM 04	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành (Phụ lục VII)
5	BM 05	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế. (Mẫu số 01 Phụ lục VIII)
6	BM 06	Riêng đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro (Mẫu số 02 Phụ lục VIII)
7	BM 07	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A (Mẫu số 03 Phụ lục IV)
8		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

- Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính Phủ sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế

- Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BYT ngày 30/01/2019 hợp nhất Nghị định về quản lý trang thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành

- Thông tư số 39/2016/TT-BYT ngày 28/10/2016 về việc Quy định chi tiết việc phân loại trang thiết bị y tế;

- Thông tư số 42/2016/TT-BYT ngày 15/1/2016 về việc quy định việc thừa nhận kết quả phân loại trang thiết bị y tế;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 03**TÊN CƠ SỞ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

.....¹....., ngày ... tháng ... năm 20...**VĂN BẢN CÔNG BỐ****Tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A**Kính gửi:².....

1. Tên cơ sở công bố:
- Mã số thuế hoặc Số giấy phép thành lập Văn phòng đại diện:
- Địa chỉ:³.....
- Điện thoại cố định: Fax:
- Email:
2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở:
- Họ và tên:
- Số CMND/Định danh/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
- Điện thoại cố định: Điện thoại di động:
3. Trang thiết bị y tế thuộc loại A:
- Tên trang thiết bị y tế:
- Chủng loại/mã sản phẩm:
- Quy cách đóng gói (nếu có):
- Tên cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Tiêu chuẩn áp dụng:
4. Thông tin về chủ sở hữu trang thiết bị y tế:
- Tên chủ sở hữu:
- Địa chỉ chủ sở hữu:
5. Thông tin về cơ sở bảo hành:
- Tên cơ sở:
- Địa chỉ:
- Điện thoại cố định: Điện thoại di động:

Công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A

Hồ sơ kèm theo gồm:

1.	Bản phân loại trang thiết bị y tế
2.	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
3.	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng
4.	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế
5.	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành
6.	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế
7.	Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố áp dụng
8.	Giấy chứng nhận hợp chuẩn
9.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế
10.	Mẫu nhãn trang thiết bị y tế
11.	Giấy chứng nhận lưu hành tự do

Cơ sở công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A cam kết:

1. Nội dung thông tin công bố là chính xác, hợp pháp và theo đúng quy định. Nếu có sự giả mạo, không đúng sự thật cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm chất lượng và lưu hành trang thiết bị y tế theo đúng hồ sơ đã công bố.
3. Thông báo cho Sở Y tế nếu có một trong các thay đổi liên quan đến hồ sơ công bố.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

¹ Địa danh

² Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở đặt trụ sở

³ Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Mẫu số 03**SỞ Y TẾ ...¹...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....²..., ngày ... tháng ... năm 20...**PHIẾU TIẾP NHẬN****Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A**

1. Tên cơ sở công bố:

2. Địa chỉ:

3. Số văn bản đề nghị của cơ sở: Ngày:

4. Trang thiết bị y tế thuộc loại A:

Tên trang thiết bị y tế:

Chủng loại/mã sản phẩm:

Tên cơ sở sản xuất:

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tiêu chuẩn áp dụng:

5. Thông tin về chủ sở hữu trang thiết bị y tế:

Tên chủ sở hữu:

Địa chỉ chủ sở hữu:

6. Thông tin về cơ sở bảo hành:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại cố định: Điện thoại di động:

7. Thành phần hồ sơ:

1.	Văn bản đề nghị công bố tiêu chuẩn của trang thiết bị y tế thuộc loại A	<input type="checkbox"/>
2.	Bản phân loại trang thiết bị y tế	<input type="checkbox"/>
3.	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	<input type="checkbox"/>
4.	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/>
5.	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế	<input type="checkbox"/>
6.	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	<input type="checkbox"/>
7.	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế	<input type="checkbox"/>
8.	Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố áp dụng	<input type="checkbox"/>
9.	Giấy chứng nhận hợp chuẩn	<input type="checkbox"/>
10.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế	<input type="checkbox"/>
11.	Mẫu nhãn trang thiết bị y tế	<input type="checkbox"/>
12.	Giấy chứng nhận lưu hành tự do	<input type="checkbox"/>

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ chức danh, họ và tên)

¹ Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở công bố đặt trụ sở

² Địa danh

PHỤ LỤC VIII**MẪU TÀI LIỆU KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ***(Kèm theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)*

Mẫu số 01 Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế

Mẫu số 02 Tài liệu kỹ thuật đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro

Mẫu số 01**TÀI LIỆU MÔ TẢ TÓM TẮT KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

Tên cơ sở đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế (tên, địa chỉ)

Ngày....tháng....năm 20.....

STT	Đề mục	Nội dung mô tả tóm tắt
1	Mô tả sản phẩm trang thiết bị y tế	
1.1	Mô tả trang thiết bị y tế	Mô tả tóm tắt về nguyên lý hoạt động và tính năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị; nêu rõ nếu trang thiết bị sử dụng các công nghệ mới thì cần cung cấp bản mô tả về công nghệ mới đó (ví dụ công nghệ nano)
1.2	Danh mục linh kiện và phụ kiện	Liệt kê các linh kiện và phụ kiện của trang thiết bị y tế
1.3	Mục đích/Chỉ định sử dụng	Nêu mục đích sử dụng/chỉ định sử dụng của trang thiết bị y tế
1.4	Hướng dẫn sử dụng	Tóm tắt hướng dẫn về cách sử dụng của trang thiết bị theo như Tờ hướng dẫn sử dụng hoặc Tờ thông tin của trang thiết bị y tế
1.5	Chống chỉ định	Thông tin về chống chỉ định - nghĩa là những trường hợp không được chỉ định sử dụng trang thiết bị vì lý do an toàn cho người bệnh, ví dụ do tiền sử bệnh, đặc điểm sinh lý của người bệnh, vv...; theo đúng nội dung đã được duyệt tại nước sản xuất và có ghi trên nhãn trang thiết bị y tế
1.6	Cảnh báo và thận trọng	Những thông tin cảnh báo và những điểm cần thận trọng khi sử dụng trang thiết bị y tế, kể cả những biện pháp dự phòng để bảo vệ người bệnh tránh những rủi ro do sử dụng trang thiết bị y tế; đó có thể là thông tin cảnh báo về tác dụng bất lợi hay sử dụng sai và biện pháp ngăn ngừa
1.7	Tác dụng bất lợi có thể xảy ra	Thông tin về các tác dụng bất lợi liên quan đến sử dụng trang thiết bị y tế được ghi nhận qua thử nghiệm lâm sàng và theo dõi hậu mại đã được thực hiện trước đó đối với

trang thiết bị y tế	
2	Thông tin sản phẩm đã lưu hành tại các nước (nếu có)
	Cung cấp thông tin về các nước đã phê duyệt cho phép lưu hành sản phẩm, nước đầu tiên cấp đăng ký/cho phép lưu hành trang thiết bị y tế
3	Chỉ định đã đăng ký ở các nước khác (nếu có) Liệt kê các nước đã cấp đăng ký lưu hành đi kèm với chỉ định sử dụng được phê duyệt tại nước đó; ngày được cấp đăng ký
4	Thông tin về tính an toàn/ vận hành đáng lưu ý của sản phẩm trang thiết bị y tế - Cung cấp thông tin về số lượng báo cáo phản ứng bất lợi liên quan đến việc sử dụng trang thiết bị y tế; Những biện pháp thu hồi/ điều chỉnh hậu mại đã thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý các nước; - Nếu trang thiết bị y tế có chứa một trong các thành phần sau, thì cần cung cấp thông tin về: · Tế bào, mô người hoặc động vật hoặc phái sinh của chúng được cho sử dụng dưới dạng không còn sống - ví dụ van tim nhân tạo nguồn gốc từ lợn, chỉ ruột mèo...; · Tế bào, mô và hoặc phái sinh từ nguồn gốc vi sinh hoặc tái tổ hợp - ví dụ sản phẩm bơm căng da dựa trên acid hyaluronic thu được từ quy trình lên men vi khuẩn...; Có thành phần gây kích ứng, ion hóa - ví dụ X-quang; hoặc phi ion hóa - Ví dụ la-ze, siêu âm...

Cơ sở đăng ký lưu hành cam kết những nội dung trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
Ký tên (Ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

PHỤ LỤC VII**MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH***(Kèm theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)*

Tiêu đề của chủ sở hữu trang thiết bị y tế (tên, địa chỉ):

Ngày....tháng.....năm 20...

GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

Tên:

Địa chỉ.....

với tư cách là chủ sở hữu trang thiết bị xác nhận cơ sở có tên dưới đây đủ điều kiện bảo hành trang thiết bị y tế của¹.....:

Tên trang thiết bị y tế	Tên cơ sở bảo hành	Mã số thuế	Địa chỉ	Điện thoại cố định	Điện thoại di động
.....	Cơ sở 1				
	Cơ sở 2				
.....	Cơ sở 1				
	Cơ sở 2				
	Cơ sở 3				
.....				

Người đại diện hợp pháp của Chủ sở hữu*Ký tên (Ghi họ tên đầy đủ, chức danh)**Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số*¹ Ghi đầy đủ tên của chủ sở hữu trang thiết bị y tế

PHỤ LỤC VI**MẪU GIẤY ỦY QUYỀN**

(Kèm theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Tiêu đề của chủ sở hữu trang thiết bị y tế (tên, địa chỉ)

Ngày....tháng.....năm 20...

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi:

Chúng tôi, *(Tên và địa chỉ chủ sở hữu)*, với tư cách là chủ sở hữu trang thiết bị y tế bằng văn bản này ủy quyền cho *(Tên và địa chỉ của cơ sở đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc đăng ký lưu hành)* được lưu hành tại thị trường Việt Nam các trang thiết bị y tế sau:

... ..*(Liệt kê danh mục các trang thiết bị y tế¹)*... ..

Chúng tôi cam kết cung cấp, hỗ trợ các yêu cầu liên quan đến thông tin, chất lượng và bảo đảm các điều kiện về bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng và cung cấp vật tư, phụ kiện thay thế trang thiết bị y tế nêu trên.

Thư ủy quyền này hiệu lực đến thời điểm: (ngày/tháng/năm)

Người đại diện hợp pháp của Chủ sở hữu

*Ký tên (Ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số*

1 Có thể đưa danh mục trang thiết bị y tế được ủy quyền thành phụ lục kèm theo Giấy ủy quyền

PHỤ LỤC V

MẪU BẢN KẾT QUẢ PHÂN LOẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
(Kèm theo Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ)

TÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...¹..., ngày ... tháng ... năm 20...**BẢN KẾT QUẢ PHÂN LOẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số .../20... /NĐ-CP ngày... tháng... năm 20... của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện phân loại số... do Bộ Y tế cấp ngày .../.../20....;

Căn cứ giấy chứng chỉ hành nghề phân loại của người thực hiện phân loại số:/BYT-CCHNPL, ngày cấp:

Theo yêu cầu của, có địa chỉ tại, chúng tôi phân loại trang thiết bị y tế như sau:

TT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ mã sản phẩm	Hãng, nước sản xuất	Hãng, nước chủ sở hữu	Mục đích sử dụng theo chỉ định của chủ sở hữu	Căn cứ để phân loại mức độ rủi ro	Mức độ rủi ro được phân loại

Người thực hiện phân loại
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)

Người đại diện hợp pháp của cơ sở thực hiện phân loại
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

Trang thiết bị y tế
không là trang thiết bị y
tế chẩn đoán in vitro

Trang thiết bị y tế
chẩn đoán in vitro

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT.

¹ Địa danh.

PHỤ LỤC VIII**MẪU TÀI LIỆU KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ***(Kèm theo Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ)*

Mẫu số 02	Tài liệu kỹ thuật đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro
-----------	---

Mẫu số 02**TÀI LIỆU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI THUỐC THỬ, CHẤT HIỆU CHUẨN, VẬT LIỆU KIỂM SOÁT IN VITRO**

Tên cơ sở đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế (tên, địa chỉ)

Ngày ... tháng ... năm 20....

STT	Đề mục	Nội dung
I	Tóm tắt chung về trang thiết bị y tế	
1.1	Mô tả tổng quan	Mô tả giới thiệu về trang thiết bị y tế, các mục đích, sản phẩm sử dụng kết hợp (nếu có)
1.2	Lịch sử đưa sản phẩm ra thị trường	Nêu tên nước đầu tiên được cấp phép và năm cấp
1.3	Mục đích sử dụng	Nêu mục đích sử dụng/chỉ định sử dụng dự kiến ghi trên nhãn hoặc tờ hướng dẫn sử dụng
1.4	Danh mục các nước đã được cấp	Liệt kê các nước đã được cấp giấy phép và năm cấp
1.5	Tình trạng các hồ sơ xin cấp phép đã nộp nhưng chưa được cấp phép tại các nước	Liệt kê các nước đã nộp hồ sơ nhưng chưa được cấp phép
1.6	Các thông tin quan trọng liên quan đến sự an toàn/hiệu quả của sản phẩm	Cung cấp các báo cáo về phản ứng bất lợi đã xảy ra và hành động khắc phục đã thực hiện kể từ khi sản phẩm được lưu hành trên thị trường (trong 5 năm gần nhất).
II	Mô tả trang thiết bị y tế	
2.1	Mô tả trang thiết bị y tế	Mô tả nguyên lý hoạt động và tính năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế
2.2	Hướng dẫn sử dụng	Tóm tắt hướng dẫn về cách sử dụng của trang thiết bị theo như Tờ hướng dẫn sử dụng hoặc Tờ thông tin của trang thiết bị y tế
2.3	Chống chỉ định	Thông tin về những trường hợp không được chỉ định

		sử dụng trang thiết bị vì lý do an toàn cho người bệnh, ví dụ do tiền sử bệnh, đặc điểm sinh lý của người bệnh, vv...; theo đúng nội dung ghi trên nhãn trang thiết bị y tế
2.4	Cảnh báo và thận trọng	Những thông tin cảnh báo và những điểm cần thận trọng khi sử dụng trang thiết bị y tế, kể cả những biện pháp dự phòng để bảo vệ người bệnh tránh những rủi ro do sử dụng trang thiết bị y tế; đó có thể là thông tin cảnh báo về tác dụng bất lợi hay sử dụng sai và biện pháp ngăn ngừa
2.5	Tác dụng bất lợi có thể xảy ra	Thông tin về các tác dụng bất lợi liên quan đến sử dụng trang thiết bị y tế được ghi nhận qua thử nghiệm lâm sàng và theo dõi hậu mại đã được thực hiện trước đó đối với trang thiết bị y tế
2.6	Phương pháp thay thế (nếu có)	Nêu các phương pháp khác để cùng đạt được mục đích sử dụng
2.7	Các thông số kỹ thuật	Các đặc điểm về hiệu năng và thông số kỹ thuật gồm: giới hạn phát hiện, độ chính xác, độ nhạy, độ đặc hiệu, độ tin cậy và các yếu tố khác; các thông số kỹ thuật khác bao gồm hóa học, vật lý, sinh học, tiệt trùng, độ ổn định (hạn dùng), bảo quản, vận chuyển, đóng gói.
III	Sản xuất trang thiết bị y tế	
3.1	Nhà sản xuất	Nêu các nhà sản xuất tham gia quá trình sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng áp dụng
3.2	Độ ổn định	Tóm tắt kết quả nghiên cứu và kết luận về độ ổn định của sản phẩm
IV	Báo cáo nghiên cứu	
4.1	Nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng	Tóm tắt các kết quả nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng của sản phẩm
4.2	Tài liệu tham khảo của nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng	Liệt kê các tài liệu tham khảo (nếu có)

Cơ sở đăng ký lưu hành cam kết những nội dung trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

QUY TRÌNH 3**Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D
(Trực tuyến mức độ 4)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018	01	Bản chính hoặc bản sao
02	Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018	01	Bản chính hoặc bản sao
03	Các giấy tờ chứng minh kho bảo quản, phương tiện vận chuyển trang thiết bị y tế đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018. Các giấy tờ này phải được xác nhận bởi cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán	01	Bản chính hoặc bản sao
04	Các giấy tờ chứng minh kho bảo quản, hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018. Các giấy tờ này phải được xác nhận bởi cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất.	01	Bản chính hoặc bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế tại địa chỉ trang web: dmec.moh.gov.vn	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ khi Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ trực tuyến	3.000.000 (Ba triệu đồng)

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	24/24 giờ	Theo mục I	- Nộp hồ sơ: Thành phần hồ sơ theo mục I (nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế tại địa chỉ trang web http://dmec.moh.gov.vn , có video hướng dẫn) - Nộp phí
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Chuyên viên văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Sau khi tiếp nhận được phí, Chuyên viên thực hiện nút xác nhận nộp phí hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Quản lý trang thiết bị y tế.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng quản lý dịch vụ y tế	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra về tính đầy đủ của thành phần hồ sơ - Tích chuyển trên hệ thống
B4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Dịch vụ Y tế	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, xác nhận phê duyệt - Tích chuyển trên hệ thống

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo phòng Quản lý Dịch vụ Y tế	1 ngày làm việc	Hồ sơ trình ký	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, xác nhận phê duyệt - Tích chuyển trên hệ thống bằng chữ kí số
B6	Trả kết quả	Chuyên viên Văn Phòng Sở	0,5 ngày làm việc	Kết quả	-Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố được đăng tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, có chữ kí số

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế (Mẫu số 07 Phụ lục I)
2	BM 02	Bản kê khai nhân sự (Phụ lục II)
3	BM 03	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D (Mẫu số 05 Phụ lục IV)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế (Mẫu số 07 Phụ lục I)
2	BM 02	Bản kê khai nhân sự (Phụ lục II)
3	BM 03	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D (Mẫu số 05 Phụ lục IV)
4		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;
- Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính Phủ sửa đổi Nghị định 36/2016/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế
- Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BYT ngày 30/01/2019 hợp nhất Nghị định về quản lý trang thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành
- Thông tư số 39/2016/TT-BYT ngày 28/10/2016 về việc Quy định chi tiết việc phân loại trang thiết bị y tế;
- Thông tư số 42/2016/TT-BYT ngày 15/1/2016 về việc quy định việc thừa nhận kết quả phân loại trang thiết bị y tế;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số 07
TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.....¹, ngày ... tháng ... năm 20...

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế
 Kính gửi:²

1. Tên cơ sở:
 Mã số thuế:
 Địa chỉ:³
 Văn phòng giao dịch (nếu có):
 2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở:
 Họ và tên:
 Số CMND/Định danh/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
 Điện thoại cố định: Điện thoại di động:
 3. Cán bộ kỹ thuật của cơ sở mua bán⁴:
 Họ và tên:
 Số CMND/Định danh/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
 Trình độ chuyên môn:
 4. Danh mục trang thiết bị y tế do cơ sở thực hiện mua bán:

Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế

Hồ sơ kèm theo gồm:

1.	Bản kê khai nhân sự
2.	Hồ sơ về kho tàng bảo quản trang thiết bị y tế
3.	Hồ sơ về phương tiện vận chuyển trang thiết bị y tế
4.	Giấy tờ chứng minh kho bảo quản, hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất

Cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế cam kết:

- Nội dung thông tin công bố là chính xác, hợp pháp và theo đúng quy định. Nếu có sự giả mạo, không đúng sự thật cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Bảo đảm chất lượng và lưu hành trang thiết bị y tế theo đúng quy định của pháp luật.
- Thông báo cho Sở Y tế ...⁵... nếu có một trong các thay đổi liên quan đến hồ sơ công bố.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

¹ Địa danh

² Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở đặt trụ sở

³ Ghi theo địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

⁴ Kê khai cụ thể theo số người hiện có

⁵ Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở

PHỤ LỤC II**MẪU BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ***(Kèm theo Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....¹, ngày ... tháng ... năm 20...**BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ**

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác trong lĩnh vực trang thiết bị y tế				Quá trình đào tạo về lĩnh vực trang thiết bị y tế					Loại trang thiết bị y tế đăng ký thực hiện phân loại ⁽²⁾
				Đơn vị công tác	Thời gian công tác	Vị trí đảm nhiệm	Công việc chính được giao	Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Văn bằng chứng chỉ, trình độ	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	
1													
2													
3													

Người đại diện hợp pháp của cơ sở
(Ký tên, ghi họ tên đầy đủ, chức danh)
Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

¹ Địa danh.² Chỉ áp dụng với nhân sự thực hiện phân loại trang thiết bị y tế. Đăng ký phân loại trang thiết bị y tế chẩn đoán invitro hoặc trang thiết bị y tế không phải trang thiết bị y tế chẩn đoán hoặc cả hai.

Mẫu số 05**SỞ Y TẾ ...¹...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....²..., ngày ... tháng ... năm 20...**PHIẾU TIẾP NHẬN****Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế**

1. Tên cơ sở mua bán:

2. Địa chỉ:

3. Số văn bản đề nghị của cơ sở: ngày:.....

4. Thành phần hồ sơ:

1.	Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán	<input type="checkbox"/>
2.	Bản kê khai nhân sự	<input type="checkbox"/>
3.	Bản xác nhận thời gian công tác	<input type="checkbox"/>
4.	Văn bằng, chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật trang thiết bị y tế hoặc quản lý trang thiết bị y tế của cán bộ kỹ thuật	<input type="checkbox"/>
5.	Giấy tờ chứng minh kho bảo quản, hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất	<input type="checkbox"/>

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ chức danh, họ và tên)¹ Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở sản xuất đặt trụ sở² Địa danh.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng